

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **38/2025/DS – ST**

Ngày: 29/8/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Sỹ Khánh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2025/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST - DS ngày 30/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2025/QĐST-DS ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trụ sở: 266 – B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh (cũ là: 266 – 268 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức Thạch D** – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Văn P**, sinh năm 1972 – Giám đốc chi nhánh L1.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Trần Phúc Hoàng L**, sinh năm 1994 – Chuyên viên Kiểm soát rủi ro Ngân hàng.

Địa chỉ: Số B, đường H, khu phố E, phường L, tỉnh Đồng Nai (Cũ là: Số B, đường H, khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Yến N, sinh năm 1997

Địa chỉ: tổ E, ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai (cũ là ấp A, xã X, huyện C).

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do ông Trần Phúc Hoàng L trình bày:**

Ngày 16/9/2024, bà Hoàng Thị Yến N có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng). Theo đó, bà N chấp thuận đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã cấp cho bà N Thẻ tín dụng số 436438 - 5663 với số tiền hạn mức là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), mục đích sử dụng: tiêu dùng, với lãi suất 29,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Chi tiết lãi, phí được sao kê đầy đủ trong bản tóm tắt sao kê.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà N đã thực hiện 1 lần giao dịch với số tiền là 100.000 đồng và phí thường niên là 599.000 đồng. Đồng thời bà N đã thanh toán được 4 kỳ nhưng không thường xuyên và không đúng hạn với tổng số tiền 400.000 đồng. Do bà N đã nhiều lần vi phạm việc thanh toán nợ gốc và lãi nên ngày 25/6/2025 toàn bộ dự nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/7/2025, bà N còn nợ tổng số tiền là 334.964 đồng, gồm nợ gốc là 320.708 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.256 đồng. Trong đó bà N có 2 khoản vay từ thẻ.

Ngày 22/11/2024 bà N có vay tiêu dùng từ thẻ số: 211251-1217, số: LD 0000632432 với số tiền là 12.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, phương thức vay góp đều gốc và lãi với lãi suất 16,8%/năm; Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn đã được quy đổi từ lãi suất theo phương thức góp đều quy đổi sang lãi suất theo phương thức giảm dần tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trong quá trình vay bà N thanh toán được 1 kỳ với số tiền là 1.168.000 đồng. Do bà N nhiều lần vi phạm việc thanh toán nợ gốc và lãi nên ngày 25/6/2025 toàn bộ dự nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/7/2025, bà N còn nợ tổng số tiền là 12.992.683 đồng, trong đó gốc là 12.160.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 832.683 đồng.

Ngày 22/11/2024 bà N có vay tiêu dùng từ thẻ số: 211251- 0833, số: LD 0000632588 với số tiền là 7.000.000 đồng, thời hạn vay là 7 tháng, phương thức vay góp đều gốc và lãi với lãi suất 16,8%/năm; Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn đã được quy đổi từ lãi suất theo phương thức góp đều sang lãi suất theo phương thức giảm dần tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, trong quá trình vay bà N thanh toán được 1 kỳ với số tiền là 1.098.000 đồng. Do bà N nhiều lần vi phạm việc thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn nên ngày 25/6/2025 toàn bộ dự nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/7/2025, bà N còn nợ tổng số tiền là 7.252.126 đồng; trong đó gốc là 6.810.000 đồng, tiền lãi quá hạn quá hạn là 442.126 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và đốc thúc việc trả nợ, nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Tính đến ngày 17/7/2025 bà N đã sử dụng với dư nợ là 20.579.773 đồng, trong đó nợ gốc là 19.290.708 đồng, lãi suất quá hạn là 1.289.065 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 18/7/2025 đến nay.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng Thị Yến N phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2025 là 20.579.773 đồng, trong đó nợ gốc là 19.290.708 đồng, lãi suất quá hạn là 1.289.065 đồng và lãi suất tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

*** Quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị Yến N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.**

*** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, vắng mặt không có lý do. Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Hoàng Thị Yến N trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi suất theo Ngân hàng yêu cầu.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên toà và sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Hoàng Thị Yến N yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo các giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Vì vậy, đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Hoàng Thị Yến N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn bà Hoàng Thị Yến N nhưng tại phiên toà hôm nay bà N vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 3453942 ngày 16/9/2024; giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632432 ngày 22/11/2024 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632588 ngày 22/11/2024 với tổng số tiền tính đến ngày 17/7/2025 là 20.579.773, nợ gốc là 19.290.708 đồng, tiền lãi quá hạn 1.289.065 đồng và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi suất tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân 3453942 ngày 16/9/2024; giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632432 ngày 22/11/2024 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632588 ngày 22/11/2024. Hợp đồng trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Việc áp dụng tính lãi suất của Ngân hàng theo hợp đồng hai bên ký kết phù hợp với quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Quá trình giải quyết vụ án bà N đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không đưa ra thời gian cụ thể và hợp lý để giải quyết khoản nợ trên với Ngân hàng. Điều này thể hiện bà N không có thiện chí, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền.

Do đó, toàn bộ lời khai và các tài liệu chứng cứ như Ngân hàng cung cấp được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 3453942 ngày 16/9/2024; giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632432 ngày 22/11/2024 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632588 ngày 22/11/2024 và bảng sao kê số tiền gốc và lãi suất bà N còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 17/7/2025 là 20.579.773 đồng. Nên giao dịch và đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số nợ gốc và lãi suất là có căn cứ chấp nhận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 20.579.773, nợ gốc là 19.290.708 đồng, tiền lãi quá hạn 1.289.065 đồng và lãi suất tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí bà N phải nộp là:

20.579.773 đồng x 5% = 1.028.989 đồng (làm tròn 1.029.000 đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai về phần nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Căn cứ các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc bà Hoàng Thị Yến N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 17/7/2025 là 20.579.773 đồng (Hai mươi triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng), nợ gốc là 19.290.708 đồng, tiền lãi quá hạn 1.289.065 đồng.

- Bà Hoàng Thị Yến N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo quy định trong theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số số 3453942 ngày 16/9/2024; giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632432 ngày 22/11/2024 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000632588 ngày 22/11/2024 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S kể từ ngày 18/7/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2/ Về án phí:

- Buộc bà Hoàng Thị Yến N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.029.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 478.000 đồng (bốn trăm bảy mươi tám ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0013250 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 5 - Đồng Nai).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND khu vực 5 – Đồng Nai.
- Phòng THADS khu vực 5 – Đồng Nai.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên